

UNIT 11**SCIENCE AND TECHNOLOGY****A CLOSER LOOK 1****I/ NEW WORDS:**

- archeologist/ˌɑː.kiˈbl.ə.dʒi/	(n): nhà khảo cổ học
-marine plant/məˈriːn//plɑːnt/	(n): thực vật biển
- marine creature/ˈkriː.tʃər/	(n): sinh vật biển
- chemist /ˈkem.ɪst/	(n): nhà hoá học
- physicist /ˈfɪz.ɪ.sɪst/	(n): nhà vật lý học
- explorer/ɪkˈsplɔː.rər/	(n): nhà thám hiểm
- link /lɪŋk/	(v): nối, liên kết lại
- unforeseen/ˌʌn.fəˈsiːn/	(adj): k0.biết trước
- immature /ˌɪm.əˈtʃʊər/	(adj):chưa chín chắn
- impatient /ɪmˈpeɪ.ʃənt/	(adj): thiếu kiên nhẫn
- impure/ɪmˈpjʊər/	(adj): ô uế, k0.trong sạch
- unwise /ʌnˈwaɪz/	(adj): không khôn ngoan,
- identify /aɪˈden.tɪ.faɪ/	(v): nhận ra, nhận dạng
- adviser/ advisor/ədˈvaɪ.zər/	(n): người chỉ bảo, cố vấn
- programmer/ˈprəʊ.græm.ər/	(n): lập trình viên
-conservationist/ˌkɒn.sərˈveɪ.ʃə.nɪst/	(n): nhà b.vệ m.trường
-software developer/ˈsɒft.weərdɪˈvel.ə.pər/	(n):c.viên t.kế phần mềm

